

Bản án số: 16/2021/HNGĐ - ST

Ngày 31/3/2021

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN – TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Bích Liên.

Ông Nguyễn Đăng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Anh - *Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thúy - *Kiểm sát viên.*

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn - TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 696/2020/TLST - HNGĐ ngày 16/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐST - HNGĐ ngày 16/3/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Trần Thị H**, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Thôn NP, thị trấn G, h. Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn D**, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: Lữ Đoàn Z, Cự Y, h. Sóc Sơn, TP. Hà Nội.

Có mặt chị H, anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03/11/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn D tìm hiểu khoảng 01 năm thì tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương, vợ chồng đi đăng ký kết hôn tại UBND. xã TB, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh ngày 12/02/2003. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu ngay và sống chung với gia đình anh D khoảng 06 năm thì vợ chồng ra ở riêng tại thị trấn G, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống, anh chị sống không hạnh phúc, thường xuyên lạnh nhạt, cãi vã nhau, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D là bộ đội, công tác xa nhà nên ít có thời gian cho gia đình, anh D còn ghen tuông vô lý, nghi ngờ chị ngoại tình, chị đã giải thích và khuyên nhủ rất nhiều nhưng anh D không thay đổi khiến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Anh chị đã được gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả. Đến năm 2017, chị bị bệnh phụ khoa, bị ung thư vòm họng, u tuyến giáp dẫn đến thay đổi nội tiết tố, nhu cầu sinh lý giảm, anh D không thông cảm, chia sẻ với chị mà còn nghi ngờ, ghen tuông, chửi bới, đẩy dọa về tinh thần và không cho chị vào miền Nam chữa bệnh theo phương pháp Đông, Tây y kết hợp. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị xin ly hôn anh D để ổn định cuộc sống và yên tâm điều trị bệnh.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 24/01/2004 và Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 30/4/2009. Ly hôn đặt ra, do chị không có việc làm, lại thường xuyên vào Nam điều trị bệnh nên chị để anh D nuôi 02 con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp, nợ chung và công sức đóng góp: Chị xin tự giải quyết và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 03/12/2020 và những lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Nguyễn Văn D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời khai của chị H về thời gian vợ chồng kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và nơi chung sống của vợ chồng; về nguyên nhân mâu thuẫn như chị H khai là không đúng sự thật. Theo anh, sau khi kết hôn vợ chồng anh sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn do chị H đi theo một giáo phái hoạt động trong miền Nam, các thành viên của giáo phái

này ăn chay trường nên chị H cũng ăn chay, thường xuyên không ăn chung bữa cùng bố con anh. Đến ngày 06/4/2020 (Âm lịch), chị H xin phép anh vào miền Nam chữa bệnh, anh không biết chị H bị bệnh gì và tại sao không đến bệnh viện uy tín để điều trị kịp thời mà lại muốn vào miền Nam chữa bệnh theo con đường tà đạo nên anh không đồng ý nhưng chị H vẫn đi, vì vậy vợ chồng xảy ra cãi vã nhau. Sau khi chị H đi, anh không biết chị H ở đâu, với ai, anh chỉ có thể liên lạc qua điện thoại, chị H giấu địa chỉ nơi ở và không muốn anh gọi điện, sợ ảnh hưởng. Đến 30/8/2020 (Âm lịch) chị H về nhưng không sống cùng bố con anh mà ở luôn nhà chị gái ruột, anh xuống đón nhiều lần chị H không về, sau đó thì không cho anh xuống nữa. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, chị H từ chối quan hệ vợ chồng và không quan tâm gì đến anh. Nay chị H xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn và mong chị H rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ cho các con đỡ khổ. Nếu chị H nhất quyết xin ly hôn, anh đành chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị H khai. Ly hôn đặt ra, anh xin được nuôi 02 con và yêu cầu chị H phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/2 con.

Về tài sản chung, đất ở, đất nông nghiệp và nợ chung, công sức đóng góp: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Kể từ ngày nhận đơn, thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H, cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

+ Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H, anh D về việc anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 24/01/2004 và Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 30/4/2009. Ghi nhận chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung 2.000.000 đồng/tháng/2 con.

+ Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ và đất sản xuất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị H, anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến Viện kiểm sát và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Nguyễn Văn D hiện đang công tác tại Lữ Đoàn Z, Cục Y thuộc xã PL, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND. xã TB, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyền số 05/2003 ngày 12/02/2003. Hôn nhân giữa chị H, anh D là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị H, anh D cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi kết hôn, chị H, anh D chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thiếu sự quan tâm, chia sẻ, tin tưởng với nhau. Chị H thì cho rằng anh D ghen tuông vô lý, nghi ngờ chị ngoại tình, khi chị bị bệnh anh D không thông cảm, chia sẻ mà còn nghi ngờ, ghen tuông, chửi bới, không cho chị đi chữa bệnh, đầy dọa về tinh thần khiến chị rất mệt mỏi. Anh D lại cho rằng chị H đi theo tà đạo, bỏ bê, không quan tâm đến chồng con. Quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh D đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc nhưng anh D không đồng ý ly hôn vì không muốn các con khổ, thiếu bố, vắng mẹ. Tuy nhiên xét thấy để xây dựng quan hệ hôn nhân hạnh phúc, bền vững thì vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng, chia sẻ và có trách nhiệm với nhau, không thể tồn tại một cuộc hôn nhân chỉ dựa trên sự giàng buộc và trách nhiệm chung với các con, bản thân anh D không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Đồng thời qua xác minh tại địa phương nơi anh chị cư trú cho thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 24/01/2004 và Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 30/4/2009.

Xét thấy quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Thị Khánh L có nguyện vọng được sống cùng mẹ, nhưng tại phiên tòa, chị H xuất trình đơn của cháu L với nội dung do chị H đang phải đi chữa bệnh nên cháu muốn được sống cùng bố. Đồng thời, anh D có nguyện vọng được nuôi 02 con chung, chị H đồng ý, hiện anh D đang công tác tại Lữ Đoàn Z, thu nhập bình quân là 9.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần cho các con. Do đó thấy cần giao 02 con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Nhưng tại phiên tòa, anh D yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 3.000.000 đồng/tháng/02 con và xuất trình Đơn có xác nhận của UBND. thị trấn GB về thu nhập bình quân của người dân tại địa phương cùng 14 bản ảnh chụp các hoạt động của chị H để chứng minh yêu cầu của anh là có căn cứ và hợp pháp, ngoài ra anh không xuất trình được bất kỳ chứng cứ gì khác. Chị H xuất trình Đơn có xác nhận của UBND. thị trấn GB về việc hiện chị không có việc làm, không có thu nhập và đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000 đồng/tháng/2 con.

Xét thấy, khoản 1 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”.

Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng ...*”.

Theo các tài liệu, chứng cứ do các bên xuất trình thì anh D hiện công tác tại Lữ Đoàn Z, thu nhập bình quân là 9.000.000 đồng/tháng; chị H hiện không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, bản thân chị H đang điều trị bệnh về u

nang, dạ dày. Đối với các bản ảnh mà anh D xuất trình chỉ thể hiện các hoạt động mà chị H tham gia, không phải là căn cứ để chứng minh chị H hiện đang làm việc cho Cơ quan, tổ chức, cá nhân nào và có thu nhập cụ thể bao nhiêu. Tuy nhiên căn cứ xác nhận của UBND. thị trấn GB, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh có thể xác định mức thu nhập của chị H theo mức thu nhập bình quân của người dân tại địa phương là 65.000.000 đồng/năm. Đồng thời tại phiên tòa chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/02 con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu của anh D, buộc chị H cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000đ/tháng/2 con là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ, công sức, đất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, anh D không yêu cầu Tòa giải quyết.

[2.5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 143, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điều 143, 147, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 25, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H. Cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Văn Th, sinh ngày 24/01/2004 và Nguyễn Thị Khánh L, sinh ngày 30/4/2009 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc chị H cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000

đồng/tháng/2 con, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định có hiệu lực pháp luật khác của Tòa án thay thế.

Chị H được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị H, anh D không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn theo biên lai thu số: 0019237 ngày 16/11/2020.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- Dương sự;
- VKSND. huyện Sóc Sơn;
- TAND. thành phố Hà Nội;
- Chi cục THA. huyện Sóc Sơn;
- UBND. xã TB, GB, Bắc Ninh;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 20, quyền số 05/2003 ngày 12/02/2003);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng